

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ RHQ&CQ
CHUYÊN NGÀNH 1: SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ SẢN XUẤT TRONG NHÀ
CÓ MÁI CHE
CHUYÊN NGÀNH 2: THIẾT KẾ VÀ TẠO DỰNG CẢNH QUAN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ML01021: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (MARXIST- LENINIST
POLITICAL ECONOMY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 4
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 2 – Thực hành 0 - Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
+ Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Kinh tế chính trị - CNXHKH
 - Khoa: Khoa học xã hội
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành ... <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không có
- Học phần tiên quyết: ML01020: Triết học Mác – Lênin
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CDR1. Áp dụng KT khoa học tự nhiên, môi trường, XH và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành CN RHQ&CQ	1.3. Áp dụng kiến thức khoa học XH và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành CN RHQ &CQ
Kiến thức chuyên môn	
CDR2.	
CDR3.	
Kỹ năng chung	

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CDR4. Làm việc HQ trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau tham gia lãnh đạo nhóm, tạo ra một MT hợp tác và hòa nhập, thiết lập MT, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các MT.	4.2. Xây dựng và PT quan hệ nội bộ bao gồm thiết lập sự nổi kết, giải quyết mâu thuẫn và quan hệ với bên ngoài trong quá trình làm việc của nhóm.
CDR5. Giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan (ông dân, khách hàng, nhà chuyên môn, nhà quản lý) ; đạt chuẩn tiếng Anh trình độ B1 theo qui định của Bộ GD&ĐT.	5.3. Thấu hiểu sự quan trọng của các yếu tố giao tiếp (các cảm giác, cảm xúc và giá trị). 5.4. Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong MT đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa.
Kỹ năng chuyên môn	
CDR6.	
CDR7.	
CDR8.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR9. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ MT và ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đạo đức và tôn trọng đa văn hóa.	9.3. Ứng xử một cách có đạo đức và thể hiện sự tôn trọng đa văn hóa.
CDR10. Thể hiện sự sẵn sàng học tập suốt đời, có tinh thần đổi mới và sáng tạo để đáp ứng với sự thay đổi nhanh của KH&CN.	10.2. Sẵn sàng học tập khi có cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức và năng lực.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* Mục tiêu:

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về những tri thức cơ bản cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển của thế giới và đất nước ngày nay.
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng về hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận diện các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước
- Học phần hình thành cho người học thái độ xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin và trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi tốt nghiệp.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
		1.3	4.2	5.3	5.4	9.3
ML01021	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	P	P	I	I	I

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Giải thích được hệ thống tri thức khoa học về Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1.3
Kỹ năng		
K2	Chỉ ra được cơ sở lý luận của các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước trong các giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước.	4.2
K3	Phối hợp được các nguyên lý kinh tế chính trị để giải thích một số các vấn đề kinh tế, xã hội	5.3
K4	Phối hợp được các nguyên lý kinh tế chính trị để giải thích các quan hệ lợi ích kinh tế phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước	5.4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Hình thành năng lực tự học tập, lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin và trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống	9.3

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

ML01021 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 - 0 -6).

Học phần gồm 6 chương, trình bày các vấn đề: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin;

Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết trình	x	x			
Dạy học dựa trên vấn đề	x	x	x	x	x
Giảng dạy thông qua thảo luận	x	x	x	x	x
Giảng dạy kết hợp truyền thông đa phương tiện	x	x	x	x	x

2. Phương pháp học tập

- Nghiên cứu tài liệu

- Trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp đủ số tiết theo quy định, chấp hành đúng nội quy học tập

- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả các sinh viên tham dự học phần này phải suy nghĩ trả lời câu hỏi/ vấn đề giảng viên nêu ra trong quá trình giảng dạy; khuyến khích sinh viên chủ động phát hiện vấn đề trao đổi với giảng viên và các sinh viên khác.

- Thi giữa kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thi giữa kì theo quy định

- Thi cuối kì: Để hoàn thành học phần, tất cả sinh viên phải thi cuối kì theo quy định

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2: Ma trận đánh giá

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)						
Rubric 1. Tham dự lớp (10%)					x	Tuần 1-10
Rubric 2. Thi giữa kì (vd 20%)	x	x	x	x	x	Tuần 5
Đánh giá cuối kì (vd 60%)						
Rubric 3. Thi cuối kì (60%)	x	x	x	x	x	Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 – 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 – 3.9 điểm (F)
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Nghỉ ≤ 01 buổi học có phép	Nghỉ 02 buổi học có phép	Nghỉ 02 buổi học không phép	Nghỉ > 02 buổi học không phép

Rubric 2: Đánh giá thi giữa kỳ

Tiêu chí	Trọng số	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
----------	----------	-----	-----	------------	-----

	(%)	8.5 - 10 điểm (A)	6.5 – 8.4 điểm (C+, B, B+)	4.0 – 6.4 điểm (D, D+, C)	0 – 3.9 điểm (F)
Thái độ làm bài	5	Nghiêm túc, làm việc độc lập	Bị nhắc nhở 1 lần; đôi khi trao đổi	Bị nhắc nhở hơn 2 lần; trao đổi nhiều	Sao chép bài; bị nhắc nhở nhiều lần; trao đổi nhiều thường xuyên
Phân tích lập luận	70	Đúng ý, đủ ý, rõ ràng theo nội dung môn học	Đúng, thiếu ý trong phân tích	Thiếu ý, có sai sót trong phân tích lập luận	Sai ý và không phân tích lập luận
Dẫn chứng minh họa	15	Có đầy đủ dẫn chứng, đúng ý, sinh động	Có ví dụ, chưa sát ý, thiếu sinh động	Thiếu dẫn chứng minh học, thiếu sinh động	Không có dẫn chứng minh họa
Trình bày bài	10	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng

Rubric 3: Đánh giá thi cuối kì

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 – 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 – 3.9 điểm (F)
Thái độ làm bài	5	Nghiêm túc, làm việc độc lập	Bị nhắc nhở 1 lần; đôi khi trao đổi	Bị nhắc nhở hơn 2 lần; trao đổi nhiều	Sao chép bài; bị nhắc nhở nhiều lần; trao đổi nhiều thường xuyên
Phân tích lập luận	70	Đúng ý, đủ ý, rõ ràng theo nội dung môn học	Đúng, thiếu ý trong phân tích	Thiếu ý, có sai sót trong phân tích lập luận	Sai ý và không phân tích lập luận
Dẫn chứng minh họa	15	Có đầy đủ dẫn chứng, đúng ý, sinh động	Có ví dụ, chưa sát ý, thiếu sinh động	Thiếu dẫn chứng minh học, thiếu sinh động	Không có dẫn chứng minh họa
Trình bày bài	10	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng

Bảng 3: Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Trình bày các vấn đề liên quan đến nội dung hàng hóa, thị trường và giá trị thặng dư; Chỉ báo 2: Trình bày các vấn đề liên quan đến nội dung cạnh tranh và độc quyền trong CNTB

	Chi báo 3: Trình bày các vấn đề liên quan đến nội dung kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam
K2	Chi báo 1: Lấy ví dụ minh họa cho nội dung hàng hóa, thị trường và giá trị thặng dư Chi báo 2: Lấy ví dụ minh họa cho nội dung cạnh tranh và độc quyền trong CNTB Chi báo 3: Lấy ví dụ minh họa cho nội dung kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam
K3	Chi báo 1: Chỉ rõ cơ sở lý luận của đường lối đổi mới/ chính sách phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam Chi báo 2: Chỉ rõ cơ sở lý luận của đường lối/ chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam Chi báo 3: Chỉ rõ cơ sở lý luận của chính sách/ pháp luật lao động, việc làm tại Việt Nam
K4	Chi báo 1: Phối hợp các nguyên lý về sản xuất hàng hóa của Mác để giải quyết các vấn đề mặt trái của kinh tế thị trường tại Việt Nam Chi báo 2: Phối hợp các nguyên lý về sản xuất giá trị thặng dư để chỉ ra những ưu điểm của chính sách lao động/ việc làm tại Việt Nam hiện nay Chi báo 3: Phối hợp các nguyên lý về kinh tế thị trường để giải thích sự cần thiết của việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa
K5	Chi báo 1: Tình nguyện tóm tắt sơ lược nội dung kiến thức của một số khái niệm triết học có liên quan đến nội dung môn học Chi báo 2: Tình nguyện tóm tắt sơ lược nội dung kiến thức của buổi học trước Chi báo 3: Thực hiện lý giải các hiện tượng thực tiễn phát sinh trên thế giới và Việt Nam có liên quan đến nội dung môn học tại thời điểm diễn ra môn học.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi học trên lớp: Theo quy định của Học viện.

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi giữa kì thì không đủ điều kiện dự thi cuối kì.

Yêu cầu về đạo đức: Theo quy định của Học viện

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

+ Bộ giáo dục và đào tạo, 2019, Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia

+ Nguyễn Viết Thông (Tổng chủ biên), 2014, Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

*** Tài liệu tham khảo khác:**

+ Lê Văn Hùng và Lê Thị Xuân (đồng chủ biên), 2018, Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm các môn khoa học Mác - Lênin, NXB Nông nghiệp.

+ Lê Văn Hùng và Hà Thị Bắc (đồng chủ biên), 2018, Triết học, NXB Nông nghiệp.

+ Ha-Joo-Chang, 2018, Cẩm nang kinh tế học, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1 Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.1 Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.2 Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin	K1, K2 K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 1.3 Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.3.1 Chức năng nhận thức 1.3.2 Chức năng thực tiễn 1.3.3 Chức năng tư tưởng 1.3.4 Chức năng phương pháp luận Ôn tập lại các vấn đề giảng viên đã trình bày trên lớp và làm bài tập	K5
2,3	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (7 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1 Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1 Sản xuất hàng hóa 2.1.2 Hàng hóa 2.1.3 Tiền 2.1.4 Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt 2.2 Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1 Thị trường	K1, K2 K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 tiết) 2.2.2 Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường Ôn tập lại các vấn đề giảng viên đã trình bày trên lớp và làm bài tập	K5
4,5	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (7 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 3.1 Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 3.1.1 Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2 Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3 Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 3.2 Tích lũy tư bản	K1, K2 K3, K4, K5

	<p>3.3 Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p> <p>3.3.1 Lợi nhuận</p> <p>3.3.2 Lợi tức</p> <p>3.3.3 Địa tô</p>	
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 tiết)</p> <p>Ôn tập lại các vấn đề giảng viên đã trình bày trên lớp và làm bài tập</p>	K5
6,7	<p>Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p>	
	<p>A/Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>4.1 Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.2 Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.2.1 Lý luận của Lênin về độc quyền trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.2.2 Lý luận của Lênin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản</p>	K1, K2 K3, K4, K5
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết)</p> <p>Ôn tập lại các vấn đề giảng viên đã trình bày trên lớp và làm bài tập</p>	K5
8,9	<p>Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</p>	
	<p>A/Các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>5.1 Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.1 Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.2 Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.3 Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2 Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2.2 Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trên một số khía cạnh chủ yếu</p>	K1, K2 K3, K4, K5
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 tiết)</p> <p>5.3 Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</p> <p>5.3.1 Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>5.3.2 Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích</p> <p>Ôn tập lại các vấn đề giảng viên đã trình bày trên lớp và làm bài tập</p>	K5
10,11	<p>Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p>	

<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (4 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 6.1 Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.2 Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.3 Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 6.2 Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1 Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.3 Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</p>	<p>K1, K2 K3, K4, K5</p>
<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 tiết) 6.1.1 Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp và công nghiệp hóa 6.2.2 Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam Ôn tập lại các vấn đề giảng viên đã trình bày trên lớp và làm bài tập</p>	<p>K5</p>

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo đủ chỗ ngồi cho sinh viên và cung cấp đầy đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng
- E- learning

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Kim Thanh

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày...20 tháng...7 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Xuân

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Thị Kim Thanh	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 320 – Nhà hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0987772465
Email: ltkthanh@hua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Thị Xuân	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 320 – Nhà hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0989586941
Email: lexuanhn@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết trình	x	x			
Dạy học dựa trên vấn đề	x	x	x	x	
Giảng dạy thông qua thảo luận	x	x	x	x	x
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Tham dự lớp				x	x
Rubric 2. Kiểm tra giữa kì	x	x	x	x	x
Rubric 3. Thi cuối kì	x	x	x	x	x

- Lần 1: 7/ 2018

Chuyển đổi từ môn học Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin sang môn Kinh tế chính trị

- Lần 2: 7/ 2019

Bổ sung các rubric đánh giá để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

- Lần 3: 7/ 2020

Bổ sung hình thức học trực tuyến qua MSTEAM để phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19.

- Lần 4: 7/ 2021

Xây dựng hình thức đánh giá thi tự luận phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid 19